TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA TOKYO VIỆT NAM	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 033/2022/QĐ-THUV	*Hưng Yên, ngày 16 tháng 03 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định tuyển sinh đại học - hình thức xét tuyển kết quả học tập THPT kèm bài tham luận và phỏng vấn năm 2022 của trường Đại học y khoa Tokyo Việt Nam

Căn cứ Quyết định số 2056/QĐ-TTG ngày 23/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học y khoa Tokyo Việt Nam;

Căn cứ Luật giáo dục Đại học số 08/2012/QH13 ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018;

Căn cứ nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 16/2021/TT-BGDĐT ngày 01 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tuyển sinh trình độ đại học; tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non ban hành kèm Thông tư số 09/2020/TT-BGDĐT ngày 7 tháng 5 năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 01.02/2016/QĐ-THUV ngày 15/02/2016 của Hiệu trưởng trường Đại học y khoa Tokyo Việt Nam về việc ban hành Quy định nhiệm vụ và quyền hạn của Đại học y khoa Tokyo Việt Nam;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Đào tạo, Phòng tuyển sinh;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quy trình, cách thức xét tuyển hệ đại học chính quy theo phương thức xét hồ sơ học bạ THPT kèm bài tham luận và phỏng vấn;

Điều 2. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về việc phỏng vấn xét tuyển Đại học năm 2022;

Điều 3. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về tiêu chí đánh giá Bài tham luận của thí sinh năm 2022

Điều 4. Ban hành kèm theo Quyết định này mẫu Phiếu đánh giá Bài tham luận và Phiếu đánh giá kết quả phỏng vấn của trường Đại học y khoa Tokyo Việt Nam (chi tiết các Quy định được đinh kèm bên dưới Quyết định này).

Điều 5. Các ông (bà) Trưởng Phòng Đào tạo, Phòng tuyển sinh và các phòng ban liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./

Nơi nhận:
- Ban giám hiệu;
- Như điều 5;
- Lưu: văn phòng.

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA TOKYO VIỆT NAM

TS. KUSUMI MARI

Trường Đại học Y khoa Tokyo Việt Nam

Quy định về quy trình, cách thức xét tuyển theo hình thức xét hồ sơ học bạ kèm bài tham luận và phỏng vấn Đại học năm 2022

(Ban hành cùng Quyết định số 033/2022/QĐ-THUV ngày 16/3/2022)

1. **Đối tượng**

Những thí sinh sử dụng kết quả học bạ kèm bài tham luận và phỏng vấn để xét tuyển vào trường.

2. **Điều kiện xét tuyển**

Thí sinh phải hoàn thành đầy đủ Phiếu đăng kí xét tuyển và Phiếu trả lời bài tham luận 2022 nộp kèm cùng hồ sơ đăng kí xét tuyển cho trường.

3. **Quy trình xét tuyển**

Bước 1: Sau khi nhận đầy đủ hồ sơ từ thí sinh, cán bộ tuyển sinh ghi mã hồ sơ xét tuyển lên Phiếu đăng kí xét tuyển và đồng thời ghi mã này lên Bài tham luận của thí sinh.

Bước 2: Cán bộ phụ trách tuyển sinh phải thực hiện lưu trữ hồ sơ xét tuyển của thí sinh vào tệp danh sách thí sinh cũng như scan Phiếu đăng kí xét tuyển và Bài tham luận nên tệp lưu trữ riêng.

Bước 3: Cán bộ phụ trách tuyển sinh sẽ tiến hành in Bài tham luận kèm Mẫu đánh giá điểm và gửi cho cán bộ chấm điểm Bài tham luận sau khi hết thời gian nhận hồ sơ cho từng đợt;

Lưu ý: Việc chấm điểm Bài tham luận được thực hiện tách biệt với chấm điểm phỏng vấn, cán bộ chấm điểm Bài tham luận không được trùng với cán bộ phỏng vấn.

Bước 4: Trước ngày phỏng vấn quy định ít nhất 1 ngày, cán bộ tuyển sinh có trách nhiệm lên danh sách thí sinh tham dự phỏng vấn, chuẩn bị tài liệu phỏng vấn cho cán bộ tham dự phỏng vấn; đồng thời cán bộ tuyển sinh phải có trách nhiệm liên hệ với thí sinh để thông báo về hồ sơ cũng như thời gian, cách thức tham dự buổi phỏng vấn.

Bước 5: Sau khi phỏng vấn, cán bộ chấm bài tham luận và cán bộ phỏng vấn có trách bàn giao đầy đủ điểm của từng thí sinh.

Bước 6: Cán bộ tuyển sinh tiến hành tập hợp điểm cho thí sinh và công khai trước Hội đồng tuyển sinh.

4. **Cách thức xét tuyển**

- Mỗi thí sinh sẽ có tất cả 2 hạng mục điểm, đó là điểm bài tham luận và điểm phỏng vấn; trong đó:

- Điểm bài tham luận sẽ gồm điểm của 2 giám khảo, chiếm tỉ lệ 25% trong tổng điểm của thí sinh;
- Điểm phỏng vấn sẽ gồm điểm của 3 giám khảo, chiếm tỉ lệ 75% trong tổng điểm của thí sinh.

- Tổng điểm của thí sinh sẽ quy đổi về thang điểm 100.

5. Đánh giá kết quả xét tuyển

- Sau khi có tổng điểm chung, Hội đồng tuyển sinh sẽ tiến hành họp bàn dựa trên các tiêu chí về hồ sơ, bài tham luận, bài phỏng vấn để đánh giá.
- Thí sinh đỗ kì xét tuyển này sẽ có mức điểm từ 60/100 trở lên và được sự đồng thuận của trên 60% số thành viên trong Hội đồng tuyển sinh tại cuộc họp đánh giá kết quả xét tuyển.

2022年 東京健康科学大学ベトナム　入学試験　面接について

Trường Đại học Y khoa Tokyo Việt Nam

Quy định về việc phỏng vấn xét tuyển Đại học năm 2022

1.　面接方法 *Phương thức phỏng vấn*

個別面接、受験者 1 人 20 分程度

Phỏng vấn từng thí sinh, mỗi thí sinh 20 phút.

2.　面接評価内容 *Nội dung đánh giá phỏng vấn*

1)　表現力 *Khả năng diễn đạt*

面接者の質問の意味を正しく理解し、それに対して自分の考えを話すことができるか

Đánh giá việc thí sinh có hiểu chính xác ý nghĩa câu hỏi của cán bộ phỏng vấn và có thể biểu đạt suy nghĩ của bản thân đối với câu hỏi đó hay không;

2)　判断力 *Khả năng phán đoán*

提示された事柄に対して、正しい判断で対応できるか

Đánh giá việc thí sinh có thể phán đoán chính xác để xử lý tình huống/ nội dung được đưa ra hay không;

3)　積極性 *Tính tích cực*

意欲的に学習を継続することができるか

Đánh giá việc thí sinh có khả năng theo đuổi học tập một cách quyết tâm hay không;

4)　協調性 *Tính hợp tác*

他の学生と協力して学生生活を送れるか

Đánh giá việc thí sinh có khả năng hợp tác, hòa nhập với các sinh viên khác hay không;

5)　態度・人間性 *Thái độ/Bản chất*

面接室への入室、面接中の姿勢、退室の仕方など、機敏な行動をとることができるか

Đánh giá việc thí sinh có nhanh nhẹn trong các hành động khi bước vào phòng phỏng vấn, thái độ trong quá trình phỏng vấn, cách rời phòng phỏng vấn... hay không;

面接者に対しての言葉づかいや態度は適切か

Đánh giá việc thí sinh có thái độ và lời nói đối với giám khảo có thích hợp hay không;

受験に相応しい身だしなみをしているか

Đánh giá việc thí sinh có trang phục diện mạo phù hợp với việc dự thi hay không;

6)　アドミッションポリシーへの理解　*Hiểu biết về chính sách nhập học*

本学のアドミッションポリシーを踏まえた志望動機、将来像について述べることができるか

Đánh giá thí sinh có trình bày được động cơ nhập học và hình tượng hướng đến trong tương lai phù hợp với chính sách nhập học của trường hay không

3. 評価基準 *Các tiêu chuẩn đánh giá*

面接評価内容の評価基準は次の判定に従う。

Các tiểu chuẩn đánh giá sẽ được xếp loại như bảng dưới đây

判定 *Cấp độ đánh giá*	評　価　基　準 *Tiêu chí đánh giá*
5	とても良い　*Rất tốt*
4	良い　*Tốt*
3	普通　*Trung bình*
2	やや劣る　*Hơi kém*
1	劣る　*Kém*

4. 面接時の質問項目　*Các câu hỏi phỏng vấn*

１）　導入必須項目（簡潔に質問）

Nội dung bắt buộc về việc giới thiệu bản thân (hỏi ngắn gọn)

「受験番号・名前・出身高校名を言ってください。」

(Hãy cho biết số báo danh, họ tên, tên trường trung học mà em đã tốt nghiệp.)

２）　基本項目（３～４分程度）

Nội dung hỏi cơ bản (khoảng 3~4 phút)

・本学志望の動機･理由

Lý do, động cơ mong muốn vào trường;

・看護師（各学科に応じた職業名）を目指す動機･理由

Động cơ/ lý do muốn trở thành điều dưỡng viên (hoặc tên nghề nghiệp tương ứng với ngành học ứng tuyển)

・専門職業人として将来どのようなことがしたいか

Bạn mong muốn làm công việc gì trong vai trò cán bộ chuyên môn trong tương lai?

３）　学修意欲や学生生活に関する項目（３～4 分程度）

Nội dung hỏi liên quan đến quyết tâm học tập và đời sống sinh viên (3~4 phút)

・入学試験に合格したら入学までの期間、どのように過ごそうと思っているか

Nếu trúng tuyển kì thi này, bạn sẽ làm gì cho đến khi lúc nhập học?

・入学後に学びたいこと、大学在学中に特にやりたいこと

Nội dung bạn muốn học sau khi nhập học, điều bạn rất muốn thực hiện trong quá trình học tập tại trường là gì?

・（医療従事者になるためには、専門的な学習が必要である）合格して入学したら、４年間勉学を第一に励む意志はあるか

(Để trở thành cán bộ y tế, việc học tập kiến thức chuyên môn là điều bắt buộc) Nếu trúng tuyển và nhập học thì bạn có đủ ý chí để đặt quyết tâm theo học 4 năm ở vị trí hàng đầu không?

・合格して入学したら、友人と協力して学習が出来るか

Nếu trúng tuyển và nhập học, bạn sẽ hợp tác với các bạn đồng môn cùng học tập hay không?

４）　その他（２～３分程度）*Câu hỏi khác (2~3 phút)*

・自分の性格･長所と短所

Tính cách, điểm mạnh, điểm yếu của bản thân người được phỏng vấn;

・臨地実習や演習科目が沢山あるが、健康状態はどうか。

Trong quá trình học tập, sinh viên sẽ phải học nhiều môn về thực tập lâm sàng và thực hành, tình trạng sức khỏe của thí sinh có đáp ứng được không?

・高校生活で印象に残っていること、特に力を入れたこと

Điều bạn ấn tượng trong thời gian học trung học, những việc bạn đã đặc biệt cố gắng là gì?

・最近、最も関心のあったニュースは何ですか

Tin tức gần đây mà bạn quan tâm nhất là gì?

5.　面接者における留意事項 ***Những điều cần chú ý đối với giám khảo***

１）　面接者は、面接中自身の携帯電話の電源が切れているか必ず確認する。

Giám khảo phải chắc chắn đã tắt điện thoại di động của mình trong thời gian phỏng vấn.

２）　受験者の人権を尊重するとともに、評価の公平性・透明性等に関する疑義等を招くこと

のないように、次の事項の質問は避けるようにしてください。

Giám khảo cần tránh các nội dung hỏi sau để tôn trọng nhân quyền của thí sinh cũng như tránh những nghi ngờ liên quan đến tính công bằng, minh bạch của việc đánh giá.

・思想・信条（支持政党、尊敬する人物、愛読書、購読の新聞・雑誌等を含む。）に関すること

Những câu hỏi liên quan đến tư tưởng, tín ngưỡng (bao gồm cả nội dung ủng hộ đảng phái nào, thần tượng nhân vật nào, cuốn sách yêu thích, báo, tạp chí thường đọc...);

・宗教に関すること

Những vấn đề liên quan đến tôn giáo;

・本籍地、出生地に関すること

Những câu hỏi liên quan đến nơi sinh, nơi cư trú;

・家族（家族構成、保護者の職業・学歴、資産状況、家庭環境等）に関すること

Những câu hỏi liên quan đến gia đình (thành phần gia đình, nghề nghiệp, học vấn của phụ huynh, tình hình tài chính, môi trường sống của gia đình...);

・住宅状況（住宅の種類、間取り、近隣環境等）に関すること

Những câu hỏi liên quan đến hoàn cảnh sống (nhà cửa, bố trí phòng, môi trường xung quanh...);

３）　面接者側の要因で評価に影響を及ぼすと考えられる次の内容についてご留意願いしま　す。

Giám khảo lưu ý những trường hợp sau đây được coi là gây ảnh hưởng đến việc đánh giá mà nguyên nhân là do giám khảo.

・先入観（予め接した情報や、初めて接触した時に持った知識による固定的な観念や見解）

Định kiến (thông tin đã biết đến trước đó, quan điểm và suy nghĩ cố hữu dựa trên thông tin có được ở lần tiếp xúc đầu tiên);

・個人的好悪（面接者側の好悪を基準にして受験者を評価すること）
Nhận định mang tính cá nhân (đánh giá thí sinh dựa trên ý kiến tốt xấu cá nhân của giảm khảo);
・ハロー効果（ある面で望ましいもしくは望ましくない特徴があると、その点を全体の評価まで広げてしまう傾向
Hiệu ứng hào quang (xu hướng để một góc độ nào đó mình thích hoặc không thích ảnh hưởng đến việc đánh giá tổng thể)
【例】成績の優れている（劣っている）学生を、性格や行動面でも優れている（劣っている）とみなす傾向
Ví dụ: Xu hướng nhìn nhận những sinh viên có thành tích xuất sắc (kém) thì tính cách, hành vi cũng sẽ xuất sắc (kém).
４）　その他 *Các vấn đề khác*
・志望動機に関する事項については、本学のアドミッション・ポリシー（入学者受入方針）を十分に理解しているかどうか、また、当該学部・学科等の教育に強い志望動機を持つかなどを中心に質問することとし、志願書中の志望動機に記述されている関連事項、オープンキャンパスでの印象等も質問して差し支えないが、質問に当たっては不用意な又は誤解等を与えるような発言は慎む。
Liên quan đến động cơ nhập học, câu hỏi phỏng vấn cần tập trung vào việc đánh giá xem thí sinh có hiểu rõ chính sách nhập học của Nhà trường (phương châm tiếp nhận sinh viên nhập học) hay không; hoặc thí sinh thực sự có quyết tâm học tập tại khoa và ngành học đã chọn hay không. Giám khảo cũng có thể hỏi câu hỏi liên quan đến động cơ nhập học viết trong bài luận đăng ký xét tuyển hay ấn tượng khi tham dự Open Day, nhưng nên tránh các câu hỏi làm cho thí sinh bất ngờ hoặc dễ gây hiểu lầm.
・健康状況（既往症を含む。）の把握及び障害のある者については、当該学部等の教育の目的に 即した履修に耐えないかなど、真に教育上やむを得ないか場合に限り、その旨（例：臨地実習等が多くあり履修可能かどうか等）を説明の上、かつ、必ずお断り（例：差し支えなければ）して、了解を得てから質問する。なお、病名等について、受験者の回答等がない場合にあっては、面接者側が回答を強要又は病名等を決めつけるような発言をするようなことは差し控える。
Những thí sinh hiểu rõ tình trạng sức khỏe của bản thân (bao gồm cả tiền sử bệnh) và thí sinh khuyết tật sẽ bị hạn chế trong việc không thể đáp ứng việc học tập thực tế như không thể học tập theo đúng mục tiêu đào tạo của ngành học. Do đó, giám khảo trên cơ sở giải thích (ví dụ: nội dung thực tập lâm sàng có rất nhiều và thí sinh liệu có khả năng học hay không) sẽ phải từ chối và đặt các câu hỏi để thí sinh hiểu được điều này. Trường hợp thí sinh không tự nguyện nói về tên bệnh tật mình đang mắc phải thì về nguyên tắc là giám khảo không được có những lời nói để ép buộc thí sinh trả lời cũng như không tự ý đưa ra quyết định tên bệnh của họ.
・面接者側の意見等を強要するような、又は受験者に不快を感じさせるような言動を慎み、受験者が話し易い雰囲気を作るとともに十分な回答ができるようにする。
Tránh những lời nói và hành vi gây ép buộc ý kiến của giám khảo hoặc khiến cho thí sinh cảm thấy không thoải mái; tạo bầu không khí cởi mở, thoải mái để thí sinh dễ dàng chia sẻ và trả lời một cách tốt nhất.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA TOKYO

2022 志望動機書の評価基準

TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ BÀI THAM LUẬN CỦA THÍ SINH NĂM 2022

設問1．なぜあなたは，看護師/理学療法士/義肢装具士/臨床検査技師/診療放射線技師になりたいですか？

Question 1. Why you want to become a Nurse/ Physiotherapist/ Medical technician/ Radio technician/ Prosthetics orthotist?

Câu hỏi 1. Tại sao Bạn muốn trở thành Điều dưỡng viên/ Kỹ thuật viên Phục hồi chức năng/ Kỹ thuật viên Hình ảnh Y học/ Kỹ thuật viên Xét nghiệm Y học/ Kỹ thuật viên Dụng cụ chỉnh hình Chân tay giả?

設問2．東京健康科学大学ベトナムで勉強する理由は何ですか？

Question 2. Why you choose Tokyo Human Health Sciences University Vietnam to study?

Câu hỏi 2. Lí do Bạn lựa chọn học tập tại Trường Đại học Y khoa Tokyo Việt Nam là gì?

＜評価基準＞. Evaluation criteria. Tiêu chí đánh giá

（1）加点の基準（100 点満点【設問 1 と設問 2　各 50 点．合計 100 点】）

(1) About criteria for plus the point (The maximum is 100 points) [Give 50 points for each question, the total of score is 100]

(1) Tiêu chí cộng điểm (Điểm tối đa 100 điểm [câu hỏi 1 và Câu hỏi 2, mỗi câu 50 điểm, tổng điểm 100])

① **段落の構成** Cấu trúc đoạn văn

論理的に構成されている Đoạn văn có cấu trúc hợp lý

② **説得力** Khả năng thuyết phục

動機に具体性・妥当性がある（その他，設問 1 では志望している専門職に就いたのビジョンなど，設問 2 では本学に入学してからのビジョンなど）

Có tính cụ thể và tính liên quan với động cơ mong muốn

(Ngoài ra, chẳng hạn đối với câu hỏi 1 cần nêu được tầm nhìn rõ ràng đối với công việc mong muốn được làm trong tương lai, đối với câu hỏi 2 cần nêu được tầm nhìn rõ ràng trong tương lai sau khi nhập học)

③ **一貫性** Tính nhất quán

論旨が一貫していて，矛盾しない

Các luận điểm có tính nhất quán và không mâu thuẫn

（2）減点の基準（【設問 1 と設問 2 で，それぞれ減点する】）

① 誤字・脱字は，一つにつき－ 1 点（各設問で，それぞれ最大－10 点）

② 述の量が記述欄の 1/2 未満の場合は－5 点

(2) About criteria of deduction the point (deduct point of each item in Question 1 and 2].

(2) Tiêu chí trừ điểm [Trừ điểm dần từng mục trong Câu hỏi 1 và Câu hỏi 2]

① Lỗi đánh máy/ sai chính tả: trừ 1 điểm/lỗi (tối đa 10 điểm trong mỗi câu hỏi)

② Trừ 5 điểm nếu độ dài bài luận dưới 1/2 trang.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA TOKYO VIỆT NAM
ST-01, KĐT Ecopark, Văn Giang, Hưng Yên
ĐT: 0869 809 088 - (024) 6664 0325

Mã hồ sơ

……

PHIẾU ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2022

(Dành cho thí sinh sử dụng phương án xét tuyển riêng)

I. THÔNG TIN THÍ SINH

1. Họ tên thí sinh ***(Viết đúng như trong giấy khai sinh bằng chữ in hoa có dấu)***

.....Giới tính *(Nữ ghi 1, Nam ghi 0)* ☐

2. Ngày, tháng và 2 số cuối của năm sinh

(Nếu ngày và tháng sinh nhỏ hơn 10 thì ghi số 0 ở ô đầu) ☐☐ *Ngày* ☐☐ *Tháng* ☐☐ *Năm*

3. a) Nơi sinh ***(tỉnh hoặc thành phố)*** ..... **b) Dân tộc** ***(Ghi bằng chữ)*** .....

4. CMND số: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ Ngày cấp: ..... Nơi cấp: .....

5. Hộ khẩu thường trú: .....

Ghi rõ mã Tỉnh (Thành phố), Huyện (Quận), Xã (Phường) ☐☐ *Mã Tỉnh (TP)* ☐☐☐ *Huyện (Quận)* ☐☐☐☐☐ *Xã (Phường)*

6. Điện thoại thí sinh: .....**Email thí sinh:** .....

7. Điện thoại phụ huynh: ..... **Email phụ huynh:** .....

8. Địa chỉ gửi thư: .....

II. THÔNG TIN TRƯỜNG THPT

9. Tên trường THPT hoặc tương đương*(thí sinh ghi rõ tên trường kèm tên tỉnh (thành phố) của trường), đồng thời ghi rõ mã tỉnh, mã trường vào ô bên cạnh.*

Năm lớp 10 ..... ☐☐ ☐☐☐

Năm lớp 11 ..... ☐☐ ☐☐☐

Năm lớp 12..... ☐☐ ☐☐☐

Mã tỉnh *Mã trường*

III. THÔNG TIN NGÀNH HỌC ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN

10. Ngành học đăng ký: .....

Mã ngành: .....

IV. THÔNG TIN PHƯƠNG THỨC ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN

Thí sinh tích vào ô tương ứng với hình thức đăng ký xét tuyển mà thí sinh đăng ký

11. Xét tuyển thẳng theo kết quả học tập trung học phổ thông ☐

(Thí sinh tích vào ô có mục xét tuyển thích hợp với mục lựa chọn để xét tuyển và điền thông tin vào mục đã tích)

☐ Thông tin điểm tổng kết trung bình lớp 10, 11 và kỳ I lớp 12			☐ Thông tin điểm tổng kết trung bình lớp 10, 11 và kỳ II lớp 12		
Lớp 10 ☐	Lớp 11 ☐	Kỳ I lớp 12 ☐	Lớp 10 ☐	Lớp 11 ☐	Kỳ II lớp 12 ☐

☐ Thông tin học lực lớp 12 và chứng chỉ năng lực tiếng Nhật JLPT

Học lực kỳ 1: Khá ☐ Giỏi ☐ Học lực kỳ 2: Khá ☐ Giỏi ☐ Chứng chỉ JLPT: N….

12. Xét kết quả học tập trung học phổ thông kèm với bài tham luận và phỏng vấn ☐

(Thí sinh tích vào ô có mục xét tuyển thích hợp với mục lựa chọn để xét tuyển và điền thông tin vào mục đã tích)

☐ Thông tin điểm tổng kết trung bình lớp 10, 11 và kỳ I lớp 12			☐ Thông tin điểm tổng kết trung bình lớp 10, 11 và kỳ II lớp 12		
Lớp 10 ☐	Lớp 11 ☐	Kỳ I lớp 12 ☐	Lớp 10 ☐	Lớp 11 ☐	Kỳ II lớp 12 ☐

☐ Thông tin điểm tổng kết học kỳ I năm lớp 12 của 1 trong 7 tổ hợp A00, A01, B00, B08, D23, D28, D33 có tổng điểm cao nhất:

Tên tổ hợp ☐ Điểm môn 1 ☐ Điểm môn 2 ☐ Điểm môn ☐ Tổng điểm ☐

☐ Thông tin điểm tổng kết học kỳ II năm lớp 12 của 1 trong 7 tổ hợp A00, A01, B00, B08, D23, D28, D33 có tổng điểm cao nhất:

Tên tổ hợp ☐ Điểm môn 1 ☐ Điểm môn 2 ☐ Điểm môn 3 ☐ Tổng điểm ☐

V. HỒ SƠ ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN (Đánh dấu vào mục thí sinh có và gửi kèm về cho trường):

01 Phiếu đăng ký xét tuyển (theo mẫu)	☐	Bài tham luận (theo mẫu)	☐
01 Bảng điểm/ Bản sao Học bạ cấp 3	☐	02 Ảnh 4x6 (Chụp trong vòng 3 tháng và mặt sau ghi rõ họ tên và ngày tháng năm sinh)	☐
01 Bản sao công chứng của Chứng chỉ tiếng Nhật (JLPT) từ N3 trở lên có giá trị trong vòng 2 năm (nếu có)	☐	01 Bản sao Giấy chứng nhận TN tạm thời/ Bằng tốt nghiệp THPT)	☐
01 Lệ phí xét tuyển 200.000 VNĐ (có thể gửi kèm hồ sơ xét tuyển hoặc chuyển khoản)			☐

Lưu ý: Đối với thí sinh chưa có Bảng điểm/ Bản sao Học bạ cấp 3, Bằng tốt nghiệp THPT/ Giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời tính đến thời điểm nộp hồ sơ xét tuyển, thí sinh có thể bổ sung sau đó và đảm bảo bổ sung trước khi nhập học.

Thí sinh vui lòng tích vào ô cam đoan và kí, ghi rõ họ tên vào phần bên dưới.

☐ **Tôi xin cam đoan đáp ứng điều kiện sơ tuyển của Nhà trường.**

☐ **Tôi xin cam đoan những lời khai trong Hồ sơ đăng ký xét tuyển này là đúng sự thật.**

Nếu sai tôi xin chịu xử lý theo đúng Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Hưng Yên, ngày ..... tháng ..... năm 2022

Cán bộ tiếp nhận hồ sơ

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ..... tháng ..... năm 2022

Thí sinh

(Ký và ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA TOKYO VIỆT NAM
ST-01, Khu đô thị Thương mại và Du lịch Văn Giang (Ecopark), huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên
Điện thoại: 0869 809 088 - 024 6664 0325
Website: https://tokyo-human.edu.vn

PHIẾU TRẢ LỜI BÀI THAM LUẬN NĂM 2022

Họ tên thí sinh:

Ngày sinh:

Ngành đăng ký:

Hướng dẫn làm bài:

- *Thí sinh có thể viết tay hoặc đánh máy để trả lời câu hỏi.*
- *Câu trả lời được viết bằng tiếng Việt.*
- *Mỗi câu trả lời có độ dài tối thiểu bằng ½ trang giấy.*

1. Anh/ Chị hãy trình bày lý do muốn học ngành Điều dưỡng/ Kỹ thuật phục hồi chức năng/ Kỹ thuật hình ảnh y học/ Kỹ thuật xét nghiệm y học?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2. Vì sao Anh/ Chị lựa chọn Trường Đại học Y khoa Tokyo Việt Nam để học tập ngành đã đăng ký xét tuyển?

....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....
....

…………..., ngày ….. tháng ….. năm 2022

Thí sinh

(Ký và ghi rõ họ tên)

PHIẾU ĐÁNH GIÁ BÀI THAM LUẬN NĂM 2022 評価票 見本 2022

受験番号 Số báo danh	氏名 Họ tên

総合評価 Tổng điểm đánh giá	
評価者 Người chấm thi	

加点項目 Hạng mục cộng điểm	設問 Câu hỏi	非常に劣るを１，非常によいを5として，5段階で評価 Đánh giá theo thang điểm 5, từ rất kém đến rất tốt					合計 Total	得点 Điểm	特記事項 Ghi chú khác
段落の構成（max 30 points） Paragraph construction Cấu trúc đoạn văn (tối đa 30 điểm)	設問１ Câu hỏi 1	1	2	3	4	5	A	A×3	
	設問2 Câu hỏi 2	1	2	3	4	5			
説得力（max 40 points） Persuasion capability Khả năng thuyết phục (tối da 40 điểm)	設問１ Câu hỏi 1	1	2	3	4	5	B	B×4	
	設問2 Câu hỏi 2	1	2	3	4	5			
一貫性（max 30 points） Coherence Tính nhất quán (tối đa 30 điểm)	設問１ Câu hỏi 1	1	2	3	4	5	C	C×3	
	設問2 Câu hỏi 2	1	2	3	4	5			
							加点の合計 Tổng số điểm cộng		＊評価が１の場合は，その理由を特記事項に記入する. * Trong trường hợp đánh giá 1 điểm thì yêu cầu ghi rõ lý do vào mục ghi chú khác

減点項目 Hạng mục trừ điểm	設問 Câu hỏi	誤字・脱字/Lỗi đánh máy, sai chính tả	記述の量が1/2未満 Độ dài bài luận chưa đến 1/2 trang	減点の合計 Tổng số điểm trừ	
	設問１ Câu hỏi 1	ヶ所, - points	- points		誤字・脱字は，一つにつき－１点（最大－10点） 記述の量が記述欄の1/2未満の場合：－5点 Lỗi đánh máy / sai chính tả: trừ 1 điểm/lỗi (tối đa 10 điểm trong mỗi câu hỏi) Trừ 5 điểm nếu độ dài bài luận dưới 1/2 trang
	設問２ Câu hỏi 2	ヶ所, - points	- points		

2022 面接評価票
INTERVIEW RESULT EVALUATION 2022
PHIẾU ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ PHỎNG VẤN NĂM 2022

受験番号 ID Number Số báo danh	受験者氏名 Full name Họ và tên thí sinh

面接者署名 Interviewer's signature Chữ kí của giám khảo		確認 Confirmation Xác nhận

評価項目 Evaluation Criteria Tiêu chí đánh giá	評価 Evaluation Đánh giá					特記事項 Remark Chú ý 2，1を選んだ場合は、その理由を記入する Please write the reason if choosing 2 or ,1 Ghi lí do đối với kết quả đánh giá 2, 1
	とても良い Very good Rất tốt	良い Good Tốt	普通 Fair Trung bình	やや劣る Not good Hơi kém	劣る Bad Kém	
表現力 Expression skill Khả năng diễn đạt	5	4	3	2	1	面接者の質問の意味を正しく理解し、それに対して自分の考えを話すことができるか Đánh giá việc thí sinh có hiểu chính xác ý nghĩa câu hỏi của cán bộ phỏng vấn và có thể biểu đạt suy nghĩ của bản thân đối với câu hỏi đó hay không;
判断力 Discrimination ability Khả năng phán đoán	5	4	3	2	1	提示された事柄に対して、正しい判断で対応できるか Đánh giá việc thí sinh có thể phán đoán chính xác để xử lý tình huống/ nội dung được đưa ra hay không;
積極性 Optimistic Tính tích cực	5	4	3	2	1	意欲的に学習を継続することができるか Đánh giá việc thí sinh có khả năng theo đuổi học tập một cách quyết tâm hay không;
協調性 Cooperativeness Tính hợp tác	5	4	3	2	1	他の学生と協力して学生生活を送れるか Đánh giá việc thí sinh có khả năng hợp tác, hòa nhập với các sinh viên khác hay không;
態度・人間性 Attitute Thái độ/Bản chất	5	4	3	2	1	面接室への入室、面接中の姿勢、退室の仕方など、機敏な行動をとることができるか。面接者に対しての言葉づかいや態度は適切か。受験に相応しい身だしなみをしているか。 Đánh giá việc thí sinh có nhanh nhẹn trong các hành động khi bước vào phòng phỏng vấn, khi kết thúc phỏng vấn hay không. Thái độ và lời nói đối với giám khảo có thích hợp không. Trang phục diện mạo có phù hợp với kì thi không.
アドミッションポリシーの理解 Understanding of admission policies Hiểu biết về chính sách nhập học	5	4	3	2	1	本学のアドミッションポリシーを踏まえた志望動機、将来像について述べることができるか Đánh giá thí sinh có trình bày được động cơ nhập học và hình tượng hướng đến trong tương lai phù hợp với chính sách nhập học của trường hay không;
総合評価（平均点） Đánh giá tổng hợp (Điểm trung bình)						

メモ欄 Ghi chú